

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2019

Về việc: *Ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Thanh Mai.

2. Ông Lại Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKH: thôn Đ, xã Đ T, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện nay: số nhà 7B, ngõ 186 Bùi Sĩ Tiêm, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn D**, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKH: thôn Đ, xã Đ T, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình; Hiện đang đi lao động tại Trung Quốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Ngô Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/4/2009. Khi đó thì anh D đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và về phép để làm thủ tục kết hôn với chị L, sau đó lại tiếp tục đi lao động tại Malaysia. Sau khi kết hôn, chị L về sống cùng với mẹ anh D tại thôn Đông Thượng Liệt, xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Đến ngày 26/10/2010 anh D hết hạn hợp đồng lao động về nước, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt dần. Đến khoảng cuối năm 2011, anh D đã đi Trung Quốc làm ăn theo đường du lịch. Trước khi đi, anh D nói với chị L là chỉ đi đến tết rồi về, nhưng từ đó đến nay anh D không về và cũng không cho chị L biết địa chỉ ở đâu. Anh D vẫn gọi điện về cho mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị Sơn và nói cho bà Sơn địa chỉ chỗ ở hiện nay của anh D. Nhưng bà Sơn không nói lại cho chị L biết vì sợ anh D đi theo con đường bất hợp pháp, nếu có người biết thì sẽ bị trục xuất về nước. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L không thể tiếp tục cuộc sống như thế này được nữa, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ngô Văn D.

Về quan hệ con chung: Chị L trình bày chị L và anh D không có con chung.

Về quan hệ tài sản : Chị L và anh D không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn là anh Ngô Văn D*: Hiện đang lao động tại Trung Quốc, gia đình anh D không cung cấp cho Tòa án địa chỉ và không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về Tòa án.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Sơn, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Đông Thượng Liệt, xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (Là mẹ đẻ anh Ngô Văn D), bà Sơn trình bày: Tháng 10/2011, anh Ngô Văn D đi sang Trung Quốc theo con đường du lịch tại cửa khẩu Lạng Sơn, sau đó cư trú bất hợp pháp tại Trung Quốc. Anh D vẫn thường xuyên gọi điện liên lạc với bà Sơn và báo cho bà Sơn biết địa chỉ hiện nay ở Trung Quốc. Bà Sơn cũng đã thông báo cho anh D là chị L có đơn xin ly hôn và yêu cầu bà Sơn cung cấp địa chỉ của anh D tại Trung Quốc. Anh D nói nhất trí ly hôn với chị L nhưng yêu cầu bà Sơn không được cung cấp địa chỉ cho chị L, vì hiện nay anh D đang sinh sống bất hợp pháp nếu bị phát hiện sẽ bị cơ quan chức năng của Trung Quốc trục xuất về nước. Do đó bà Sơn không cung cấp địa chỉ hiện nay của anh D và không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh D biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị L để anh D gửi lời khai về Tòa án.

Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh Ngô Văn D hiện đang cư trú tại Trung Quốc, bà Nguyễn Thị Sơn mẹ đẻ anh D biết địa chỉ của anh D nhưng không cung cấp cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Sơn để xác minh địa chỉ của anh D, tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Sơn để yêu cầu bà Sơn thông báo cho anh D, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị L và anh D là hợp pháp. Vợ chồng chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Từ cuối năm 2011 khi anh D đi làm ăn và cư trú bất hợp pháp tại Trung Quốc đến nay vẫn liên hệ với gia đình, nhưng không quan tâm, liên lạc và cung cấp địa chỉ cho chị L biết. Xét thấy, anh D đã bỏ mặc chị L nhiều năm nay, tình trạng hôn nhân của chị L và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh D không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung. Anh D vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Ngô Văn D.
2. Về quan hệ con chung : Chị Bùi Thị L và anh Ngô Văn D không có con chung.
3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai số 0008956 ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa , có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Đông Tân (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà